

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thị xã Ba Đồn,
tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2017-2025, định hướng đến năm 2035

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG BÌNH

Số: 6.445
Ngày: 02/11/2018

Chuyên: CHỨC TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Lưu hồ sơ số: 02/11/2018

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;
Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;
Căn cứ Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị;
Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;
Căn cứ Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Quốc gia giai đoạn 2012-2020;
Căn cứ Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 02/06/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình đến năm 2030;
Căn cứ Quyết định số 2865/QĐ-UBND ngày 18/11/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Bình đến năm 2030;
Căn cứ Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 25/7/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2030;
Căn cứ Quyết định số 1780/QĐ-UBND ngày 22/05/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề cương, Nhiệm vụ và Dự toán Chương trình phát triển đô thị thị xã Ba Đồn tỉnh Quảng Bình, giai đoạn 2017-2025, định hướng đến năm 2035;
Căn cứ Quyết định số 2557/QĐ-CT ngày 03/8/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chung thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, tỷ lệ 1/10000;
Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3764/TTr-SXD ngày 28 tháng 9 năm 2018 về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2017-2025, định hướng đến năm 2035,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2017-2025, định hướng đến năm 2035 với các nội dung như sau:

1. Tên Chương trình: Chương trình phát triển đô thị thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2017-2025, định hướng đến năm 2035.

2. Phạm vi nghiên cứu: Phạm vi ranh giới nghiên cứu là toàn bộ ranh giới hành chính của thị xã Ba Đồn.

3. Quan điểm và mục tiêu phát triển đô thị.

3.1. Quan điểm:

- Cụ thể hóa định hướng điều chỉnh Quy hoạch thị xã Ba Đồn đến năm 2035, từng bước hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng đô thị phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và từng bước nâng cao tỉ lệ đô thị hóa trên địa bàn thị xã.

- Làm cơ sở cho việc phân loại đô thị; xác định lộ trình đầu tư phát triển đô thị, các khu vực ưu tiên đầu tư phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch cho từng giai đoạn 5 năm và hàng năm; triển khai các giải pháp và nhiệm vụ thực hiện cho từng giai đoạn nhằm hoàn thiện cơ chế chính sách, thu hút nguồn vốn và huy động các nguồn lực đầu tư vào mục tiêu xây dựng đô thị, nâng cao năng lực, trách nhiệm của chính quyền đô thị, thiết lập kỷ cương và tạo nguồn lực phát triển hệ thống đô thị.

- Phối hợp lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, dự án đã và đang triển khai của các ngành trên địa bàn tỉnh và thị xã nhằm đảm bảo khai thác hiệu quả các nguồn vốn đầu tư để phát triển thị xã Ba Đồn theo các giai đoạn 2017-2025, định hướng đến năm 2035.

3.2. Mục tiêu:

- Đánh giá thực trạng đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống hạ tầng đô thị thị xã Ba Đồn.

- Cụ thể hóa định hướng Quy hoạch chung thị xã Ba Đồn đến năm 2035, từng bước hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng đô thị phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và từng bước nâng cao tỉ lệ đô thị hóa trên địa bàn thị xã.

- Làm cơ sở cho việc chỉ đạo đầu tư phát triển đô thị, các khu vực ưu tiên đầu tư phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch cho từng giai đoạn 5 năm và hàng năm; triển khai các giải pháp và nhiệm vụ thực hiện cho từng giai đoạn, đề xuất cơ chế chính sách, thu hút nguồn vốn và huy động các nguồn lực đầu tư vào mục tiêu xây dựng đô thị theo đồ án quy hoạch chung thị xã Ba Đồn phê duyệt.

- Xây dựng kế hoạch, lộ trình huy động nguồn lực để đầu tư xây dựng phát triển đô thị thị xã Ba Đồn.

4. Các chỉ tiêu chính về phát triển đô thị.

4.1. Đến năm 2025:

- Diện tích sàn nhà ở bình quân phần đầu đạt khoảng 24,6m²/người. Tỉ lệ nhà kiên cố phần đầu đạt khoảng 80%.

- Tỷ lệ đất giao thông so với diện tích đất xây dựng đô thị đạt 25%.

- Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng trở lên đạt 15%.

- Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch đạt 100%, tiêu chuẩn cấp nước đạt 120 lít/người/ngày đêm. Dân số vãng lai đạt 80 lít/người/ngày đêm.

- Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước đạt 90% diện tích lưu vực thoát nước trong đô thị; tỷ lệ nước thải sinh hoạt tập trung được thu gom và xử lý đạt 60%.

- Tỷ lệ các cơ sở sản xuất mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm đạt 100%. Các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%.

- Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch dưới 18%.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý đạt 95%; 100% rác thải y tế, chất thải rắn công nghiệp (thông thường và nguy hại) được thu gom và xử lý đảm bảo yêu cầu về môi trường.

- Tỷ lệ chiếu sáng các tuyến đường chính đạt 90%; tỷ lệ chiếu sáng khu nhà ở, ngõ xóm đạt 85%.

- Diện tích đất cây xanh đô thị phân đầu đạt 7m²/người; đất cây xanh công cộng khu vực nội thị 6m²/người.

4.2. Đến năm 2035:

- Diện tích sàn nhà ở bình quân đạt khoảng 29m²/người; tỷ lệ nhà kiên cố đạt 85%.

- Tỷ lệ đất giao thông so với diện tích đất xây dựng đô thị đạt tối thiểu 25%.

- Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đô thị đạt 30%.

- Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch đạt 100%, tiêu chuẩn cấp nước cho đô thị đạt 150 lít/người/ngày đêm. Dân số vắng lai đạt 100 lít/người/ngày đêm.

- Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước đạt 95% diện tích lưu vực thoát nước trong đô thị, tỷ lệ nước thải sinh hoạt tập trung trong đô thị được thu gom và xử lý đạt 80%.

- Tỷ lệ các cơ sở sản xuất mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm đạt 100%. Các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%.

- Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch dưới 15%.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý đạt 100%; 100% rác thải y tế, chất thải công nghiệp (thông thường và nguy hại) phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo yêu cầu về môi trường.

- Tỷ lệ chiều dài các tuyến đường chính và khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng đạt tỷ lệ 90%.

- Diện tích đất cây xanh đô thị phân đầu đạt 8m²/người; đất cây xanh công cộng khu vực nội thị đạt 6m²/người.

5. Đề xuất các khu vực phát triển đô thị giai đoạn 2017 - 2035:

- Khu đô thị phường Quảng Phong: Quy mô xây dựng khu đô thị khoảng 180ha.

- Khu đô thị trung tâm thị xã: Quy mô xây dựng khu đô thị khoảng 225ha.

- Khu đô thị ven sông: Quy mô xây dựng khu đô thị khoảng 163ha.

- Khu đô thị phía Bắc vùng trung tâm: Quy mô xây dựng khu đô thị 239ha.

- Khu đô thị phía Đông và Đông Bắc vùng trung tâm: Quy mô xây dựng khu đô thị khoảng 206 ha.

- Khu đô thị ven biển: Quy mô xây dựng khu đô thị khoảng 85ha.

- Khu đô thị phía Đông Nam thị xã: Quy mô xây dựng khu đô thị khoảng 226ha.

- Khu đô thị phía Nam sông Gianh: Là khu vực dân cư hiện hữu kết hợp với phát triển mới đô thị thuộc xã Quảng Lộc, quy mô xây dựng khu đô thị khoảng 92ha.

6. Danh mục các dự án đầu tư các chương trình phát triển đô thị giai đoạn 2018 - 2025 và giai đoạn 2025 - 2035:

6.1. Giao thông:

- Mở mới một tuyến đường chính theo hướng Bắc Nam, kết nối từ Quốc lộ 1 đến Cầu Quảng Hải (đường vành đai) và đấu nối Đường tỉnh 2B (thuộc huyện Bố Trạch), chiều dài khoảng 15km.

- Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn qua đô thị từ nút Cầu Nhân Thọ đến nút giao thông gần Cầu Gianh dài khoảng 5,5km.

- Xây dựng mới tuyến tránh Quốc lộ 1 từ nút cầu Nhân Thọ đến nút giao thông Bắc cầu Gianh dài khoảng 5,8km.

- Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 12A đoạn qua thị xã thành trục chính đô thị dài khoảng 7,5km.

- Xây dựng mới trục đường chính theo hướng Đông Tây nối từ Quốc lộ 1 đi qua khu vực 10 xã vùng Nam sông Gianh kết nối với cầu Văn Hóa tại xã Văn Hóa, chiều dài khoảng 17km.

- Cải tạo nâng cấp mở rộng Ga Minh Lễ nằm gần trục đường 22,5m mở rộng khoảng 2ha để trở thành ga chính của đô thị phục vụ cho vận chuyển hành khách và vận chuyển hàng hóa.

- Dự án xây dựng tuyến đường đôi trung tâm từ khu vực cầu Nhân Thọ tới bờ sông Gianh hướng về Cồn Két (2,4km).

- Dự án xây dựng tuyến đường gom hai bên Quốc lộ 1 qua đô thị từ cầu Nhân Thọ đến nút giao thông Quốc lộ 1 - đường đôi Bắc Quảng Thuận (2,5 km).

- Dự án hoàn thiện tuyến đường đôi Bắc Quảng Thuận, quy mô mặt cắt 34m (đây là những tuyến đường tạo mỹ quan đô thị nên thiết kế dải phân cách giữa 9m để trồng cây xanh). Dài 1,8km

- Xây dựng mới các tuyến đường liên khu vực ở thị xã Ba Đồn, mặt cắt ngang rộng 23,25m.

- Xây dựng mới các tuyến đường liên khu vực ở phía Tây Nam qua Sông Gianh, mặt cắt ngang rộng 23,25m.

- Xây dựng 05 nút giao cắt lập thể Quốc lộ 1- đường vành đai; Nút giao cắt lập thể Cầu Nhân Thọ; Nút giao cắt lập thể Quốc lộ 1- Quốc lộ 12A; Nút giao bằng Quốc lộ 12A- đường vành đai; Nút giao bằng Quốc lộ 12A - đường trục chính (cắt vuông góc với Quốc lộ 12A cũ).

- Xây dựng 2 bến phía Bắc và phía Nam thị xã. Bến xe phía Bắc có quy mô 1,5-2ha tại khu vực nút giao thông cầu Nhân Thọ, bến xe phía Nam quy mô 1ha tại khu vực nút giao thông Quốc lộ 1- đường đôi Bắc Quảng Thuận.

- Tuyến đường quy hoạch nối từ đường Lý Thường Kiệt, phường Ba Đồn đi Quốc lộ 1 (1,7km).

- Tuyến đường quy hoạch từ Đài tưởng niệm, phường Quảng Thọ nối với Quốc lộ 1 (1,5km).

- Xây dựng 02 tuyến đường quy hoạch khu Đồng Trụ thuộc phường Quảng Thọ và phường Ba Đồn (1km).

6.2. Cấp nước:

- Xây dựng nhà máy xử lý nước công suất 12.000 m³/ngày tại xã Quảng Phong, trạm xử lý có diện tích khoảng 1,7ha. Xây dựng trạm bơm và tuyến ống nước thô từ đập Rào Nan về nhà máy xử lý nước, chiều dài 11km.

- Xây dựng trạm bơm tăng áp công suất 1.000 m³/ngày tại xã Quảng Phúc.

- Xây dựng một số tuyến đường ống chính từ D200-D400 dài 30km .

- Xây dựng trạm bơm tại hồ Tiên Lang với công suất 10.000 m³/ngày.

- Xây dựng nhà máy xử lý nước công suất 10.000 m³/ngày tại xã Quảng Thanh.

- Nâng công suất trạm bơm tăng áp công suất tại xã Quảng Phúc lên 1500 m³/ngày.

6.3. Cấp điện:

Nâng công suất trạm 110KV Ba Đồn từ 110/35/22kV-25MVA thành 110/35/22kV-1x25MVA + 110/22-1x25MVA. Xây dựng trạm 220KV với công suất 220/110/35/22kV-2x125MVA trong đó giai đoạn đầu được đầu tư 220/110/35/22kV-1x125MVA. Vị trí xây dựng trạm 220kV đặt ở phía Tây Khu công nghiệp thuộc xã Quảng Long. Nâng cấp, xây dựng mới các lưới điện truyền tải 220KV, 110kV. Xây dựng mới các tuyến điện theo tiêu chuẩn đường dây 22kV xuất tuyến từ trạm 110kV Ba Đồn tạo thành các mạch vòng cung cấp điện cho đô thị. Đầu tư Hệ thống cây xanh, điện sáng phường Ba Đồn.

6.4. Thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang:

- Dự án thoát nước và vệ sinh môi trường thị xã Ba Đồn.

- Xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt khu vực thị xã Ba Đồn.

- Dự án khu nghĩa trang thị xã Ba Đồn.

6.5. Xây dựng hạ tầng thông tin và truyền thông:

- Cải tạo và hạ ngầm hệ thống đường dây, đường cáp dọc theo các trục đường chính đô thị.

- Xây dựng hệ thống hào kỹ thuật bố trí đường dây, đường ống trong các khu vực dự án hạ tầng kỹ thuật và dọc theo các tuyến đường giao thông.

- Tập trung đầu tư nâng cấp trạm BTS và cải tạo nâng cấp hệ thống cáp quang trong khu vực dân cư hiện hữu.

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; xây dựng trạm thu, phát sóng thông tin di động; điểm phục vụ bưu chính, viễn thông.

7. Khu vực phát triển đô thị ưu tiên thực hiện giai đoạn 2018 - 2025.

- Dự án Khu nhà ở thương mại tại phường Quảng Phong, giáp mương Tiên Lang, diện tích khoảng 9,7ha.

- Dự án Khu dân cư phía Nam tổ dân phố Mỹ Hòa, phường Quảng Phúc (đầu tư xây dựng khu nhà ở thương mại), diện tích khoảng 9,0ha.
- Dự án Khu nhà ở thương mại tại phường Quảng Phong, diện tích khoảng 9,6ha.
- Dự án Khu đô thị mới tại phường Quảng Thọ, diện tích khoảng 19ha.
- Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư tại phường Quảng Thuận, diện tích khoảng 9ha.
- Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư tại xã Quảng Lộc, diện tích khoảng 8ha.

8. Nguồn vốn thực hiện.

8.1. Giai đoạn 2018-2020:

Nguồn vốn dự kiến: 6.068,157 tỷ đồng, trong đó:

+ Vốn từ nguồn ngân sách nhà nước dự kiến đáp ứng được 10,85% (658,38 tỷ đồng).

+ Vốn từ các nguồn khác (vốn vay, vốn doanh nghiệp, vốn ODA, vốn xã hội hóa...) dự kiến đáp ứng được 89,15% (5.409,77 tỷ đồng).

8.2. Giai đoạn 2021-2025:

Nguồn vốn dự kiến: 2.479,83 tỷ đồng, trong đó:

+ Vốn từ nguồn ngân sách nhà nước dự kiến đáp ứng được 15,77% (391,17 tỷ đồng).

+ Vốn từ các nguồn khác (vốn vay, vốn doanh nghiệp, vốn ODA, vốn xã hội hóa...) dự kiến đáp ứng được 84,23% (2.055,65 tỷ đồng).

8.3. Giai đoạn 2026-2035:

Nguồn vốn dự kiến: 3.736,40 tỷ đồng, trong đó:

+ Vốn từ nguồn ngân sách nhà nước dự kiến đáp ứng được 5,42% (202,50 tỷ đồng).

+ Vốn từ các nguồn khác (vốn vay, vốn doanh nghiệp, vốn ODA, vốn xã hội hóa...) dự kiến đáp ứng được 94,58% (3.533,90 tỷ đồng).

9. Tổ chức thực hiện.

9.1. Sở Xây dựng:

- Giúp UBND tỉnh quản lý các khu vực phát triển đô thị trong thời gian tỉnh chưa thành lập Ban Quản lý Khu vực phát triển đô thị.

- Chủ trì tổ chức công bố Chương trình phát triển đô thị thị xã Ba Đồn giai đoạn 2017-2025, định hướng đến năm 2035.

- Triển khai thực hiện các khu vực phát triển đô thị và kế hoạch phát triển đô thị sau khi Chương trình được phê duyệt, bảo đảm phù hợp với quy hoạch chung thị xã Ba Đồn được phê duyệt.

- Tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Chương trình cho từng giai đoạn để rút kinh nghiệm cho giai đoạn tiếp theo.

9.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tham mưu, đề xuất các cơ chế chính sách ưu đãi để thu hút các nguồn lực đầu tư theo Chương trình này và chủ trì xúc tiến kêu gọi đầu tư phát triển đô thị.

9.3. Sở Tài nguyên và Môi trường: Tham mưu, đề xuất các chính sách về đất đai để tạo điều kiện thuận lợi thu hút các nhà đầu tư; quản lý và hướng dẫn quản lý đất đai hiệu quả, kịp thời xử lý các trường hợp sử dụng đất sai mục đích.

9.4. Sở Tài chính: Tham mưu, đề xuất nguồn vốn cho công tác phát triển đô thị và thành lập quỹ phát triển đô thị, báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định.

9.5. Các sở, ban, ngành liên quan: Lập và quản lý các quy hoạch ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao, đảm bảo khớp nối với Chương trình phát triển đô thị thị xã Ba Đồn được duyệt.

9.6. UBND thị xã Ba Đồn: Thực hiện Chương trình phát triển đô thị thị xã Ba Đồn; khớp nối, lồng ghép các nội dung của Chương trình với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan và Chủ tịch UBND thị xã Ba Đồn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVXDCB.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Quang